

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2016/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định một số nội dung quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 801/2005/QĐ-UB ngày 29/3/2005 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về hoạt động quản lý giá, thẩm định giá; trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách giá, biện pháp về giá phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giá tại địa phương.

3. Triển khai, công bố và áp dụng các biện pháp bình ổn giá tại địa phương.

4. Quyết định giá những tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của địa phương.

5. Tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu, quy định của pháp luật.

6. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; thẩm định giá tài sản của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định.

7. Kiểm soát giá độc quyền, điều tra giá, chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật về giá, chống bán phá giá.

8. Thu thập, phân tích, thông báo, thông tin giá và dự kiến về giá để phục vụ cho chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Kiểm tra, thanh tra giá, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo pháp luật quy định.

Điều 4. Thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá tại địa phương theo quy định của pháp luật:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền;

b) Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành;

c) Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền;

d) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

e) Phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 31 và Điều 44 của Luật Giá thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

f) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và quy định khác của pháp luật có liên quan tại địa phương, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá: Quy định chi tiết tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

Trong các trường hợp phải thực hiện bình ổn giá, Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn giá thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tại nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

- Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- Áp dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- Đăng ký giá, kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế;
- Định giá cụ thể, quy định giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

Thời hạn áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với từng mặt hàng tối đa không quá 06 tháng.

2. Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố thi hành các biện pháp bình ổn giá trong trường hợp giá thị trường có biến động bất thường xảy ra tại địa phương. Hướng dẫn tổ chức thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các biện pháp bình ổn giá;

3. Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị: Tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: Thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và hướng dẫn của các Bộ. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

MỤC 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Danh mục giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;
2. Giá cây trồng, vật nuôi trên đất có mặt nước; giá nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ cho việc tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Đơn giá xây dựng cơ bản;
4. Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do Nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong đô thị, khu công nghiệp;
5. Giá Báo Phú Thọ;
6. Giá dịch vụ xe ra, vào bến ô tô;
7. Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản;
8. Giá tài sản tính lệ phí trước bạ;
9. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp thay đổi thẩm quyền định giá quy định tại Điều này, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm trình, thẩm định phương án giá:

1. Sở Tài chính:

- a) Quy định giá sản phẩm, hàng hóa theo ủy quyền của UBND tỉnh.
- b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, cho thuê đất có mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngân trên địa bàn tỉnh;

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án giá do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch sinh hoạt xây dựng áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

d) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hoặc thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh để Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá, riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về đất đai.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng theo định kỳ.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cây trồng, vật nuôi trên đất có mặt nước (thủy sản) để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng thẩm định phương án giá do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch sinh hoạt xây dựng áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Sở Xây dựng:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng theo định kỳ.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm định phương án giá do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch sinh hoạt xây dựng áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh;

- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Giá đất cụ thể quy định tại Khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013, Điểm b Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản; giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các loại giá khác theo quy định.

d) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

e) Sở Giao thông vận tải:

- Giá cước vận chuyển bằng xe buýt trong các huyện, thành, thị thuộc tỉnh và khu công nghiệp do các đơn vị vận chuyển lập phương án giá;

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách của địa phương và Trung ương; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Giá dịch vụ xe ra, vào bến;

f) Ban biên tập Báo Phú Thọ: Giá Báo Phú Thọ.

g) Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị: Khi có yêu cầu của UBND tỉnh, các sở, ngành chuyên môn thì UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của UBND tỉnh quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Hồ sơ, trình tự lập, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh:

a) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá theo quy định tại Khoản 2 Điều này; đơn vị sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; tổng hợp phương án giá gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm định (số lượng hồ sơ 01 bộ, là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

b) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan được phân công xây dựng phương án giá; đơn vị sản xuất kinh doanh hoàn chỉnh phương án giá, trình UBND tỉnh quyết định giá theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

c) Những hàng hóa dịch vụ chưa có quy định cụ thể, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn, lập, trình, thẩm định, phương án giá hàng hóa, dịch vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh.

MỤC 3. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 9. Điều kiện tổ chức hiệp thương giá

Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá khi có đủ 02 điều kiện sau đây:

- Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán, hoặc cả hai bên mua và bán, khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký kết hợp đồng; hoặc theo

yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh cần phải hiệp thương giá khi ký kết hợp đồng mua, bán.

- Hàng hóa, dịch vụ quan trọng không thuộc danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, đồng thời là hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế, có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

Điều 10. Kết quả hiệp thương giá

Kết quả hiệp thương giá được UBND tỉnh quyết định để thực hiện. Trường hợp đã hiệp thương giá mà các bên vẫn chưa thỏa thuận được mức giá thì Sở Tài chính quyết định giá tạm thời để các bên cùng thực hiện.

Quyết định giá tạm thời trong hiệp thương giá có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục trao đổi để thỏa thuận giá mua, giá bán. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện.

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày thực hiện theo Quyết định giá tạm thời, nếu bên mua, bên bán không thỏa thuận được giá mua, giá bán thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

MỤC 4. THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Tài sản thẩm định giá

Tài sản mà Nhà nước phải thẩm định giá theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá. Trong trường hợp mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước 2008.

Điều 12. Giá trị tài sản nhà nước được mua sắm toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước phải thẩm định giá:

Tài sản có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng trở lên; lô tài sản của một lần mua có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

Điều 13. Thẩm quyền thẩm định giá tài sản nhà nước của cơ quan nhà nước

Sở Tài chính là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định giá thuộc các trường hợp:

a) Thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Tài sản là phương tiện vận tải bao gồm: Ô tô, tàu thuyền các loại;
- Tài sản khác có giá trị đơn chiếc từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng;
- Lô tài sản của một lần mua có tổng trị giá từ 500 triệu đồng đến dưới 5.000 triệu đồng.

b) Thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, UBND cấp huyện đối với tài sản có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng; Lô tài sản của một lần mua có tổng trị giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng;

Điều 14. Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định giá):

1. Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước:

a) Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh giao cho Giám đốc Sở Tài chính quyết định thành lập Hội đồng;

b) Hội đồng thẩm định giá cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng;

c) Hội đồng thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng.

2. Thẩm quyền của Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước:

a) Hội đồng thẩm định giá tỉnh thực hiện đối với các trường hợp:

- Mua tài sản thuộc bí mật nhà nước;
- Tài sản mua, đi thuê có giá trị đơn chiếc từ 2.000 triệu đồng trở lên và lô tài sản của 1 lần mua có tổng trị giá từ 5.000 triệu đồng trở lên;
- Các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của UBND tỉnh.

b) Hội đồng thẩm định giá cấp huyện thực hiện thẩm định giá mua tài sản đối với các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện;

c) Hội đồng thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện thẩm định đối với các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật quản lý chuyên ngành;

3. Thành phần Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 28 Nghị định 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

MỤC 5. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 15. Kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật Giá.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 5 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của UBND tỉnh quy định tại Điều 7 Quy định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

MỤC 6. THANH TRA GIÁ

Điều 16. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về giá và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật liên quan.

MỤC 7. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 17. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; tham mưu trình UBND tỉnh phân công tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; cập nhật, cung cấp thông tin và kết nối cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; hàng năm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đối với hàng hóa, dịch vụ, tài sản thuộc thẩm quyền và lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ, các quy định liên quan khác tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính; quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; quy định của Sở Tài chính và quy chế phối hợp của Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 31/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan;

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, thay đổi, bổ sung chính sách; các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu